

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 23 - 02 - 2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Kiều Lương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đây

Ông Nguyễn Văn Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Anh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Vũ Thị Hồng Uyên
- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 142/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2023/QĐ-PT ngày 08 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Trần Ngọc D**, sinh năm 1999.

Địa chỉ: 17170 Reimer ST. Fountain V, C 92708 USA.

- Bị đơn: Anh **Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L**, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Q3/072, ấp Nguyễn H 1, xã Quang Tr, huyện Th, tỉnh Đ.

(Chị D, anh L có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Phạm Trần Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L, kết hôn với nhau vào ngày 09/9/2019, hôn nhân tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/UBH.

Sau khi kết hôn, chị về Mỹ sống, lúc đầu cả hai thường xuyên liên lạc, nhưng sau đó ít liên lạc với nhau, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không phù hợp, cuộc sống giữa hai người luôn bất đồng, thường xuyên xung đột

và đã ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù, cả hai đã cố gắng để hàn gắn để duy trì tiếp tục cuộc sống vợ chồng nhưng vẫn không thể khắc phục, không thay đổi mà trái lại mâu thuẫn vợ chồng càng thêm trầm trọng. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài được nên chị làm đơn ly hôn để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh L không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị đồng ý nộp án phí theo quy định.

- **Bị đơn anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L trình bày:** Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về quan hệ hôn nhân. Sau khi kết hôn hai vợ chồng mỗi người một nơi, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay chị D làm đơn yêu cầu xin ly hôn với anh, anh đồng ý ly hôn với D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh L không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Về án phí: anh đồng ý để chị D nộp án phí theo quy định

Rất mong Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai, xem xét, chấp nhận và giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phạm Trần Ngọc D.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:**

+ Về thủ tục tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về thời hạn chuẩn bị xét xử và giải quyết vụ án đúng thời hạn theo luật định.

- Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật, Thẩm phán chủ tọa điều hành phiên tòa đúng quy định, đảm bảo sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án.

- Về việc tuân thủ pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về quan hệ hôn nhân:

Chị D với anh L được Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 84/UBH ngày 09/9/2019 nên hôn nhân của chị D và anh L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Sau khi kết hôn đến chị D về Mỹ sinh sống. Do khoảng cách địa

lý đã làm cho anh L và chị D thường xuyên mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân. Chị D cũng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Chị D có đơn xin ly hôn thì anh L cũng đồng ý. Do đó, xét mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh L.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

+ Về nghĩa vụ nộp án phí sơ thẩm: Chị D phải nộp 300.000đ (trừ vào tạm ứng đã nộp).

Từ những căn cứ trên, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Căn cứ Điều 8, 56, 59, 58, 82, 83, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, chị D được ly hôn với anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phạm Trần Ngọc D và bị đơn anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vắng mặt chị D, anh L theo quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Trần Ngọc D và anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 87, ngày 20/9/2019, nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay, chị D xin ly hôn, Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết là có căn cứ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống của chị Phạm Trần Ngọc D với anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L sau khi kết hôn, sau khi kết hôn chị D trở về Mỹ để tiếp tục công việc, do thời điểm này bên Mỹ lại bùng dịch Covid 19 nặng nên chị D không thể về Việt Nam với anh L. Trong khoảng thời gian xa cách, hai người thường xuyên cãi nhau và xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong quan hệ vợ chồng. Nguyên nhân trong quá trình sống tại Mỹ, chị D cũng ít liên lạc với anh L, bản thân anh L đã chủ động liên lạc để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thể hàn gắn được. Hiện vợ, chồng sống xa cách nhau về vị trí địa lý, bất đồng về quan điểm sống cũng như không còn quan tâm đến nhau. Trong quá trình thu thập

chứng cứ, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện gửi thư đề nghị đạt các văn bản tố tụng cho chị D, việc tổng đạt thành công, chị D đã nhận được và đã có Đơn trình bày và đơn xin vắng mặt. Anh L cũng xác định do khoảng cách địa lý đã làm cho tình cảm của hai bên không còn, hai người thường xuyên mâu thuẫn và không tìm được tiếng nói chung trong hôn nhân, đồng thời anh cũng đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị D.

Xét thấy, hiện nay tình cảm giữa chị D và anh L không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu xin ly hôn của chị D với anh L để trả tự do cho nhau.

[3] Về con chung: Chị D và anh L xác định không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn và bị đơn khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị D tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*).

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37, 228, 238, 464, 469, 476, 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 53, 56, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Trần Ngọc D với bị đơn anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L. Xử cho chị Phạm Trần Ngọc D được ly hôn đối với anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Phạm Trần Ngọc D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000433 ngày 13/9/2022 của Cục thi hành án dân

sự tỉnh Đồng Nai. Chị Phạm Trần Ngọc D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Trần Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Anh Vũ Nguyễn Hoàng Sơn L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

****Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND huyện Thống nhất;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Kiều Lương